

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày: 16/9/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Phan Văn Ký

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai, hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số 73/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:*

1. Ông Cao Văn T – sinh năm 1979; nơi ĐKTT: Vạn P, X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Khu phố D, phường X, thị xã S, Phú Yên. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Sông Cầu. Có mặt tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an thị xã Sông Cầu.

2. Bà Ngô Thị Ph – sinh năm 1982; nơi ĐKTT: Vạn P, X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Khu phố D, phường X, thị xã S, Phú Yên. Vắng mặt (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2022, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Th (bà Th) trình bày: Bà Ngô Thị Ph là em ruột của chồng bà Th. Trong thời gian ông Cao Văn T, bà Ngô Thị Ph (ông T, bà Ph) còn là vợ chồng, gặp khó khăn về tài chính cần tiền xoay sở, hỏi vay bà Th số tiền 500.000.000đ, có tính lãi thì bà Th đồng ý. Ông T, bà Ph viết Giấy mượn tiền đề ngày 13/03/2021 âm lịch, hẹn ngày 13/5/2021 âm lịch sẽ trả. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, ông T, bà Ph bị vỡ nợ nên bà Th yêu cầu ông T, bà Ph trả nợ gốc, không cần trả tiền lãi nhưng ông T, bà Ph vẫn không trả được nợ gốc. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà Ph trả nợ cho bà Th một lần số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Ngô Thị Ph trình bày: Thừa nhận sự việc như bà Th trình bày. Thời điểm bà và ông T còn là vợ chồng, bà và ông T cần tiền xoay sở kinh tế gia đình nên đã hỏi vay bà Th số tiền 500.000.000đ, có viết Giấy mượn tiền đề ngày 13/03/2021 âm lịch, hẹn ngày 13/05/2021 âm lịch trả. Đến hạn trả nợ, do bà Ph và ông T vẫn khó khăn về tài chính nên không có tiền trả nợ bà Th. Bà Ph và ông T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2022 của TAND thị xã Sông Cầu. Khi ly hôn, về nợ chung bà và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để bà và ông T tự thỏa thuận. Do vậy, khoản nợ 500.000.000đ này là nợ chung của bà và ông T. Nay bà Th khởi kiện, yêu cầu bà và ông T trả cho bà Th số tiền 500.000.000đ thì bà đồng ý nhưng hiện tại bà không có tiền, ông T thì bị tạm giam nên không thể trả nợ liền cho bà Th được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/08/2022, ông Cao Văn T trình bày: Thừa nhận ông và bà Ph có mượn bà Th số tiền 500.000.000đ theo Giấy mượn tiền đề ngày 13/03/2021 âm lịch đến nay chưa trả. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu ông và bà Ph trả nợ số tiền 500.000.000đ thì ông đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay ông đang bị tạm giam để điều tra vụ án hình sự nên không có khả năng, điều kiện trả nợ cho bà Th. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông T giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, buộc bị đơn ông T, bà Ph phải trả cho bà Th số tiền 500.000.000đ, không phải trả tiền lãi. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ tiền trong hợp đồng vay tài sản nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông T, bà Ph thường trú tại Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Th yêu cầu ông T, bà Ph thực hiện nghĩa vụ trả nợ*:

Bà Th yêu cầu ông T, bà Ph trả một lần số tiền 500.000.000 đồng căn cứ vào Giấy mượn tiền đề ngày 13/03/2021 âm lịch. Ông T, bà Ph thừa nhận nợ nhưng không có khả năng trả nợ nên yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định pháp luật. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “1. *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Do đó thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ nên được chấp nhận. Xét bà Ph, ông T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2022 của TAND thị xã Sông Cầu. Vì vậy, buộc ông T, bà Ph có trách nhiệm liên đới trả một lần cho bà Th số tiền 500.000.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Th không yêu cầu ông T, bà Ph trả lãi nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[3.1] Bị đơn ông T, bà Ph phải chịu 24.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền án phí. Bà Ph có đơn xin giảm tiền án phí, được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh khó khăn. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, giảm 50% (12.000.000đ x 50% = 6.000.000đ) án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ph.

[3.2] Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 27, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 13 và 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Th theo đơn khởi kiện đề ngày 15/06/2022. Buộc bị đơn ông Cao Văn T, bà Ngô Thị Ph có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Th nợ gốc 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*), cụ thể mỗi người phải chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc.

2. Án phí:

Bị đơn ông Cao Văn T phải chịu 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Ngô Thị Ph phải chịu 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Th số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003193 ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THADS TX.Sông Cầu (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên